

- changes in anterior chamber depth and axial length in Asian subjects after trabeculectomy surgery. *British Journal of Ophthalmology*, 97(7), 852-856.
3. **Stamper, R. L.** (2002). "Glaucoma surgery and cataract extraction." *American Journal of Ophthalmology*, 133(4), 555-559.
 4. **Costa, V. P., Katz, L. J., Spaeth, G. L., & Wilson, R. P.** (1993). "Long-term results of primary trabeculectomy in treating chronic open-angle glaucoma." *Ophthalmology*, 100(4), 511-516.
 5. **Hayashi, K., Yoshida, M., & Hayashi, H.** (2005). "Corneal endothelial cell loss after phacoemulsification in eyes with glaucoma: A comparative study." *Journal of Cataract and Refractive Surgery*, 31(5), 920-925.
 6. **Derbolav, A., Vass, C., Menapace, R., Schmetterer, K. & Wedrich, A.** Long-term effect of phacoemulsification on intraocular pressure after trabeculectomy. *J Cataract Refract Surg* 28. 2002: 425-430.
 7. **Klein, B. E. K.** (2011). "Cataract." *Clinical Epidemiology*, 3, 19-31.

THỰC TRẠNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TẠI BỆNH VIỆN VŨNG TÀU NĂM 2023

Phạm Thế Hiền¹, Phạm Thị Quý¹, Võ Thị Hồng Hạnh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Thực trạng tai nạn thương tích và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Vũng Tàu năm 2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Sử dụng phương pháp thống kê mô tả số liệu thứ cấp tất cả trường hợp bị tai nạn thương tích vào Bệnh viện Vũng Tàu năm 2023. **Kết quả:** Tai nạn thương tích: 23,6%; Rối loạn tiền đình: 6,4%; Viêm phổi: 4,3%; Viêm dạ dày: 3,1%; Tai nạn giao thông: 42,3%; Nhóm tai nạn "Khác" (gồm tai nạn sinh hoạt, tai nạn không xác định...): 32,7%. Mối liên quan giữa giới tính, tuổi, nghề nghiệp, chuyển tuyến và tai nạn thương tích. **Kết luận:** Với tình trạng tai nạn thương tích trên từ đó bệnh viện Vũng Tàu có thể thực hiện các phương án nhằm đối phó với tình hình tai nạn thương tích hiện tại như: Tăng cường năng lực cấp cứu; Phát triển khoa Ngoại Thần kinh để giảm thiểu bệnh nhân chuyển tuyến trên; Đào tạo chuyên môn. **Từ khóa:** Tai nạn thương tích, Bệnh viện Vũng Tàu

SUMMARY

STATUS OF INJURIES AND SOME RELATED FACTORS AT VUNG TAU HOSPITAL IN 2023

Objective: The current situation of injuries and some related factors at Vung Tau Hospital in 2023. **Research subjects and methods:** Using statistical methods to describe secondary data of all cases of injuries admitted to Vung Tau Hospital in 2023. **Results:** Injuries: 23.6%; Vestibular disorders: 6.4%; Pneumonia: 4.3%; Gastritis: 3.1%; Traffic accidents: 42.3%; "Other" accident group (including domestic accidents, unspecified accidents...): 32.7%. Relationship between gender, age, occupation, referral and injuries. **Conclusion:** With the above injury situation, Vung Tau Hospital can implement plans to deal with the current injury situation such as:

¹Bệnh viện Vũng Tàu

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Thế Hiền

Email: phamthehienvt@gmail.com

Ngày nhận bài: 21.10.2024

Ngày phản biện khoa học: 19.11.2024

Ngày duyệt bài: 24.12.2024

Strengthening emergency capacity; Developing the Neurosurgery department to reduce patients transferred to higher levels; Professional training.

Keywords: Accident injury, Vung Tau hospital

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tai nạn thương tích là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong và tàn tật trên toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng và kinh tế xã hội. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), mỗi năm có khoảng 5 triệu người tử vong do tai nạn thương tích, chiếm gần 9% tổng số ca tử vong toàn cầu. Trong đó, tai nạn giao thông đóng góp một tỉ lệ đáng kể, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển.

Tại Việt Nam, tai nạn giao thông là vấn đề y tế công cộng nghiêm trọng và phức tạp. Theo số liệu từ Bộ Y tế, năm 2019, cả nước ghi nhận hơn 1,2 triệu trường hợp tai nạn thương tích, trong đó tai nạn giao thông chiếm tỉ lệ cao với hơn 17.000 ca tử vong và 30.000 người bị thương nặng. Mặc dù Chính phủ đã triển khai nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông, nhưng số vụ tai nạn và mức độ nghiêm trọng vẫn ở mức cao.

Thành phố Vũng Tàu, với vị trí là trung tâm công nghiệp dầu khí và du lịch biển, đối mặt với nhiều nguy cơ về tai nạn giao thông. Hạ tầng giao thông phức tạp, lưu lượng phương tiện tăng cao, cùng với ý thức chấp hành luật giao thông chưa cao của một bộ phận người dân, đã dẫn đến tình trạng tai nạn giao thông gia tăng. Theo báo cáo của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong giai đoạn 2015-2019, số ca tai nạn giao thông nhập viện tại các cơ sở y tế trên địa bàn tăng trung bình 3% mỗi năm, chiếm khoảng 60% tổng số ca tai nạn thương tích nhập viện.

Sự gia tăng liên tục của các trường hợp tai nạn giao thông không chỉ gây áp lực lớn lên hệ

thống y tế, đặc biệt là tại khoa Cấp cứu Bệnh viện Vũng Tàu, mà còn ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và an ninh trật tự xã hội. Việc thiếu hụt dữ liệu cụ thể và phân tích sâu về tình hình tai nạn giao thông tại địa phương làm hạn chế hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa và can thiệp.

Xuất phát từ thực tế đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu "Thực trạng tai nạn thương tích và các yếu tố liên quan tại Bệnh viện Vũng Tàu năm 2023" với mục tiêu cụ thể như sau:

- Tỷ lệ các loại tai nạn thương tích tại Bệnh viện Vũng Tàu năm 2023

- Một số yếu tố liên quan đến tai nạn thương tích tại Bệnh viện Vũng Tàu năm 2023

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Tất cả trường hợp bị tai nạn thương tích vào Bệnh viện Vũng Tàu năm 2023

2.2. Tiêu chuẩn lựa chọn:

- Bệnh nhân bị tai nạn thương tích vào Khoa Cấp cứu Bệnh viện Vũng Tàu.

- Bệnh nhân được lưu thông tin có đầy đủ các biến cần thu thập.

2.3. Thu thập dữ kiện:

- Bộ công cụ thu thập: máy tính, máy in, viết, giấy....

- Đảm bảo tính toàn vẹn/đầy đủ của biểu mẫu thu thập.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

- Thống kê mô tả số liệu thứ cấp từ nguồn số liệu của bệnh viện.

- Sử dụng thông tin theo ICD 10 trên phần mềm Hsoft bệnh viện.

- Thời gian 1 năm (2023).

- Địa điểm: Khoa cấp cứu Bệnh viện Vũng Tàu.

III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

3.1. Tỷ lệ tai nạn thương tích tại Bệnh viện Vũng Tàu năm 2023

Bảng 1. Danh sách 10 bệnh cao nhất vào Khoa Cấp cứu thường gặp nhất

STT	Tên bệnh	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tai nạn thương tích	9.774	23,6
2	RLTĐ	2.631	6,4
3	Viêm phổi	1.786	4,3
4	Viêm dạ dày	1.286	3,1
5	Đột quỵ	513	1,2
6	SXH	503	1,2
7	Viêm phế quản	483	1,2
8	COPD	420	1,0
9	Hen	400	1,0
10	Cơn đau quặn thận	397	1,0
Tổng số BN vào cấp cứu		41.408	

Phân tích dữ liệu bảng trên cho ta thấy tai nạn thương tích nằm trong nhóm 10 bệnh cao nhất vào viện cấp cứu, chiếm tỷ lệ 23,6% với (9.774) trường hợp trong tổng số (41.408) trường hợp bệnh vào cấp cứu. Đứng thứ 2 là bệnh ối loạn tiền đình chỉ chiếm 6,4% với (2.631) trường hợp. 4,3% là Viêm phổi, 3,1% là viêm dạ dày và thấp hơn là bệnh hen và cơn đau quặn thận chỉ chiếm 1%. Như vậy số bệnh nhân bị tai nạn thương tích chiếm tỷ lệ cao hơn rất nhiều so với các bệnh khác.

Bảng 2. Tỷ lệ các loại tai nạn thương tích

STT	Đặc điểm	Số lượt	Tỷ lệ (%)
1	Tai nạn giao thông	4.139	42,3
2	Ngã	924	9,45
3	Tai nạn lao động	708	7,24
4	Bạo lực xung đột	562	5,75
5	Bồng	94	0,96
6	Tự tử	74	0,76
7	Tai nạn dưới nước	44	0,45
8	Súc vật, động vật cắn, đốt	28	0,29
9	Ngộ độc các loại	01	0,01
10	Khác	3.200	32,7
Tổng số tai nạn thương tích		9.774	100

Tỷ lệ giữa các tai nạn, tai nạn giao thông chiếm tỷ lệ cao nhất với 42,3% (4.139) trường hợp. Nhóm tai nạn "Khác" gồm tai nạn sinh hoạt, tai nạn không xác định... chiếm 32,7% với (3.200) trường hợp. Tiếp theo là tai nạn "Ngã" chiếm 9,45% với (924) trường hợp. Tai nạn lao động đứng thứ tư với 7,24% (708) trường hợp, trong khi bạo lực xung đột chiếm 5,75% (562 trường hợp). Còn như các tai nạn khác như tai nạn dưới nước, ngộ độc, tự tử và bong có tỷ lệ thấp hơn, mỗi loại dưới 1%.

3.2. Một số yếu tố liên quan đến tai nạn thương tích

Bảng 3. Môi liên quan giữa tai nạn thương tích theo giới tính

STT	Loại tai nạn thương tích	Giới tính		Tổng số (Lượt)
		Nam	Nữ	
1	Tai nạn giao thông	2.479	1.660	4.139
2	Ngã	576	348	924
3	Tai nạn lao động	640	68	708
4	Bạo lực xung đột	420	142	562
5	Bồng	56	38	94
6	Tự tử	33	41	74
7	Tai nạn dưới nước	26	18	44
8	Súc vật, động vật cắn, đốt	11	17	28
9	Ngộ độc các loại	0	01	01
10	Khác	1.947	1.253	3.200
Tổng số		6188 (63,3%)	3586 (36,7)	9.774

Dựa trên số liệu, nam giới chiếm tỉ lệ cao trong các ca tai nạn thương tích vào viện chiếm tỉ lệ (63,3%) với 6188 trường hợp. Nữ chiếm 36,7% với (3586) trường hợp. Chúng ta thấy rằng tai nạn thương ở nam giới chiếm tỉ lệ rất cao so với nữ.

Bảng 4. Mối liên quan giữa tai nạn thương tích theo nhóm tuổi

STT	Các tai nạn thương tích	Nhóm tuổi					Tổng số
		0-4	5-14	15-19	20-60	≥60	
1	Tai nạn giao thông	92	356	666	2.591	434	4.139
2	Ngã	123	181	68	367	185	924
3	Tai nạn lao động	0	2	26	650	30	708
4	Bạo lực xung đột	02	38	74	417	31	562
5	Bỏng	35	09	06	38	06	94
6	Tự tử	0	0	11	61	02	74
7	Tai nạn dưới nước	05	13	01	15	10	44
8	Súc vật, động vật cắn, đốt	01	08	02	10	07	28
9	Ngộ độc các loại	01	0	0	0	0	01
10	Khác	393	716	220	1.275	596	3.200
Tổng số tai nạn thương tích		652	1.323	1.074	5.424	1.301	9.774

Về độ tuổi, nhóm từ dưới 14 tuổi chiếm 20,2% với (1975) trường hợp. Nhóm 15 tuổi đến 60 tuổi có tỉ lệ cao nhất (66,5%) với (6498) trường hợp. Nhóm tuổi trên 60 tuổi có tỉ lệ thấp hơn hai nhóm trên (13,3%) với (1301) trường hợp. Kết quả cho thấy cả người trẻ và người thuộc nhóm đang độ tuổi lao động đều thuộc nhóm dễ xảy ra tai nạn thương tích.

Bảng 5. Mối liên quan giữa tai nạn thương tích theo nghề nghiệp

STT	Loại tai nạn thương tích	Nghề nghiệp				Tổng số
		Lao động trí óc	Lao động Chân Tay	Học sinh Sinh viên	Khác	
1	Tai nạn giao thông	236	513	783	2607	4139
2	Ngã	10	93	145	676	924
3	Tai nạn lao động	29	168	60	451	708
4	Bạo lực xung đột	23	57	88	394	562
5	Bỏng	2	5	8	79	94
6	Tự tử	02	15	13	44	74

7	Tai nạn dưới nước	04	8	12	20	44
8	Súc vật, động vật cắn, đốt	03	10	05	10	28
9	Ngộ độc các loại	0	0	0	01	01
10	Khác	255	336	844	1765	3200
Tổng số		564	1205	1958	6047	9774

Từ số liệu phân tích cho ta thấy nhóm "Khác" (người già, hưu trí, trẻ nhỏ, nội trợ...) chiếm tỉ lệ cao nhất 61,8% với (6047) trường hợp. Xếp thứ 2 là nhóm "Học sinh, sinh viên" chiếm 20,1% với (1958) trường hợp. Nhóm đứng thứ 3 là nhóm "Lao động chân tay" chiếm tỉ lệ 12,3% với (1205) trường hợp. Nhóm có tỉ lệ thấp nhất là nhóm lao động trí óc chiếm 5,77% (564) trường hợp.

Bảng 6. Mối liên quan giữa ca bệnh chuyển tuyến và tai nạn thương tích

STT	Nội dung	Chuyển tuyến	CTSN chuyển tuyến	Số lượt
1	Tai nạn giao thông	194(2%)	170(1,7%)	4139
2	Ngã	03	02	924
3	Tai nạn lao động	61	50	708
4	Bạo lực xung đột	12	08	562
5	Bỏng	00	00	94
6	Tự tử	00	00	74
7	Tai nạn dưới nước	01	01	44
8	Súc vật, động vật cắn, đốt	08	06	28
9	Ngộ độc các loại	00	00	01
10	Khác	15	13	3200
Tổng số		294(3,0%)	250(2,6%)	9774

Bảng trên phân tích được số liệu chuyển tuyến của tai nạn thương tích là 3,0% với (294) trường hợp trong tổng số tai nạn thương tích là (9774). Trong các ca chuyển tuyến thì chấn thương sọ não chiếm tỉ lệ cao nhất 85% (250/294). Trong số các ca chuyển tuyến thì tai nạn giao thông chiếm tỉ lệ cao nhất, có 194 trường hợp (chiếm tỉ lệ 2%).

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

5.1.1. Tỉ lệ tai nạn thương tích tại Bệnh viện Vũng Tàu năm 2023

- Tỉ lệ tai nạn thương tích và các bệnh khác vào cấp cứu tại BV Vũng Tàu:
- + Tai nạn thương tích: 23,6%
- + Rối loạn tiền đình: 6,4%
- + Viêm phổi: 4,3%
- + Viêm dạ dày: 3,1%
- Tỉ lệ các loại tai nạn thương tích:

- + Tai nạn giao thông: 42,3%
- + Nhóm tai nạn "Khác" (gồm tai nạn sinh hoạt, tai nạn không xác định...): 32,7%
- + Tai nạn do ngã: 9,45%
- + Tai nạn lao động: 7,24%
- + Tai nạn do bạo lực: 5,75%
- Còn các tai nạn khác (đuối nước, bỏng, tự tử...) chỉ chiếm dưới 1%.

5.1.2. Một số yếu tố liên quan đến tai nạn thương tích.

- Mỗi liên quan giữa giới tính và tai nạn thương tích.
 - + Nam giới chiếm tỉ lệ 63,2%.
 - + Nữ chiếm tỉ lệ 36,8%.
- Mỗi liên quan giữa nhóm tuổi và tai nạn thương tích.
 - + Nhóm dưới 14 tuổi: 20,2%.
 - + Nhóm từ 15- 60 tuổi: 66,5%.
 - + Nhóm trên 60 tuổi: 13,3%.
- Mỗi liên quan giữa nghề nghiệp và tai nạn thương tích:
 - + Lao động trí óc: 5,8%.
 - + Lao động chân tay: 12,3%.
 - + Học sinh, Sinh viên: 20,1%.
 - + Nghề nghiệp khác: 61,8%.
- Mỗi liên quan giữa tai nạn thương tích và chuyển tuyến:
 - + Tỉ lệ chuyển tuyến trong tai nạn thương tích chiếm tỉ lệ 3%.
 - + Tỉ lệ chuyển tuyến trong tai nạn thương tích thì do tai nạn giao thông chiếm tỉ lệ cao nhất 2%.
 - + Trong các ca chuyển tuyến thì Chấn thương sọ não chiếm tỉ lệ cao nhất 85%.

5.2. Kiến Nghị

5.2.1. Đối với Bệnh viện Vũng Tàu:

- Tăng cường năng lực cấp cứu.
- Phát triển khoa Ngoại Thần kinh để giảm thiểu bệnh nhân chuyển tuyến trên.

- Đào tạo chuyên môn: Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ y bác sĩ và nhân viên y tế về xử lý chấn thương do tai nạn giao thông, nhằm nâng cao hiệu quả điều trị và giảm tỉ lệ biến chứng.

5.2.2. Đối với Chính quyền thành phố Vũng Tàu:

- Tăng cường công tác quản lý và giám sát giao thông.
- Thực thi nghiêm ngặt luật giao thông: Đẩy mạnh việc kiểm tra, giám sát và xử phạt các hành vi vi phạm giao thông như chạy quá tốc độ, lái xe khi say rượu, không đội mũ bảo hiểm.
- Cải thiện hạ tầng giao thông: Đầu tư nâng cấp đường sá, biển báo và hệ thống đèn tín hiệu giao thông để giảm nguy cơ tai nạn.
- Giáo dục và nâng cao ý thức cộng đồng.
- Chiến dịch tuyên truyền: Tổ chức các chương trình giáo dục về an toàn giao thông trong trường học, khu dân cư và trên các phương tiện truyền thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế Việt Nam (2019). Báo cáo thường niên về tai nạn thương tích.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019). Hướng dẫn tích hợp giáo dục an toàn giao thông.
3. Chính phủ Việt Nam (2018). Chương trình hành động quốc gia về an toàn giao thông.
4. Chính phủ Việt Nam (2019). Nghị định 100/2019/NĐ-CP.
5. Chính phủ Việt Nam (2020). Chiến lược quốc gia về an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021-2030.
6. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2019). Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.
7. Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia (2019). Chiến dịch "Đã uống rượu bia - Không lái xe".
8. Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia (2020). Báo cáo tổng kết tình hình tai nạn giao thông.

KẾT QUẢ PHẪU THUẬT NỘI SOI U BUỒNG TRỨNG LẠNH TÍNH TẠI BỆNH VIỆN THANH NHÀN

Lê Trí Tiến Thành¹, Phan Thị Thu Nga², Nguyễn Thúy Diệu², Lê Xuân Trọng², Ngô Toàn Anh², Đào Thị Hoa²

TÓM TẮT

¹Bệnh viện Thanh Nhàn

²Bệnh viện Phụ sản Trung ương

Chịu trách nhiệm chính: Đào Thị Hoa

Email: drdaothihoapstw@gmail.com

Ngày nhận bài: 21.10.2024

Ngày phản biện khoa học: 21.11.2024

Ngày duyệt bài: 25.12.2024

Mục tiêu: Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật nội soi u buồng trứng lạnh tính tại bệnh viện Thanh Nhàn. **Đối tượng và phương pháp:** Đối tượng nghiên cứu là bệnh án bệnh nhân u buồng trứng được phẫu thuật nội soi Bệnh viện Thanh Nhàn từ tháng 1 năm 2022 – tháng 12 năm 2023. Nghiên cứu đánh giá các biến số bao gồm: hướng xử trí phẫu thuật, tỷ lệ mổ nội soi thành công, biến chứng sau phẫu thuật, thời gian nằm viện sau phẫu thuật. **Kết quả:** Tuổi trung bình là 34,9. Lý do vào viện thường gặp nhất là